Trường THPT Nguyễn Đình ChiểuNgày soạn: …………….

**Tổ Lý – Tin – CN** Ngày dạy: …………….

**BÀI 1: THIẾT KẾ VÀ CÔNG NGHỆ**

(Thời lượng: 2 tiết)

**I. MỤC TIÊU.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **NĂNG LỰC CÔNG NGHỆ** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | - Nêu được các khái niệm, khoa học, kĩ thuật, công nghệ và mối liên hệ giữa chúng.  - Mô tả mối quan hệ giữa công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội. | [a3.1] |
| **NĂNG LỰC CHUNG** | | |
| *Tự chủ và tự học* | Luôn chủ động, tích cực khai thác các nguồn tài liệu để tìm hiểu về thiết kế và công nghệ. | [TCTH3.1] |
| *Giao tiếp và hợp tác* | Biết chủ động hợp tác với các thành viên trong nhóm hoàn thành các nhiệm vụ được giao. | [GTHT3.1.3] |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU** | | |
| *Chăm chỉ* | Tích cực tìm hiểu về thiết kế và công nghệ thông qua các nguồn học liệu. | [CC3.1.2] |
| *Trách nhiệm* | Có ý thức tự giác và nghiêm túc hoàn thành các nhiệm vụ được giao. | [TN3.1.1] |

**II. CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC.**

- Dạy học trực quan.

- Dạy học dựa trên dự án.

- Dạy học hợp tác.

- Kĩ thuật khăn trải bàn.

- Kĩ thuật KWL. …..

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Giáo viên:**

- Máy tính, internet, máy chiếu

- Giáo án, tranh ảnh, phiếu học tập.

**2. Học sinh:**

- SGK Công nghệ lớp 10.

- Vở

- Bộ dụng cụ học tập

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)** | - Thông qua hình ảnh hoặc video để tạo sự liên kết giữa kiến thức hiện có của HS với những kiến thức mới. | Kể tên được các sản phẩm công nghệ? | - PP trực quan  - Vấn đáp | - Câu trả lời |
| **Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới. ( 65 phút)** | | | | |
| **Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về khoa học. (10 phút)** | **[a3.1]**  **[TCTH.1]**  **[GTHT.2]**  **[CC.2]**  **[TN.1]** | - Khái niệm khoa học.  - Kết nối nghề nghiệp: Nhà khoa học là người làm công việc gì? | - PP trực quan  - Nhóm  - Câu hỏi | - Hồ sơ học tập  - Sản phẩm học tập.  - Câu trả lời |
| **Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về kỹ thuật (10 phút)** | **[a3.1]**  **[TCTH.1]**  **[GTHT.2]**  **[CC.2]**  **[TN.1]** | - Khái niệm về kĩ thuật?  - Kết quả nghiên cứu của kĩ thuật?  - Kết nối nghề nghiệp: Kĩ sư là người làm công việc gì? | - PP trực quan, thuyết trình  - Nhóm  - Vấn đáp | - Câu trả lời  - Sản phẩm học tập |
| **Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về công nghệ ( 20 phút)** | **[a3.1]**  **[TCTH.1]**  **[GTHT.2]**  **[CC.2]**  **[TN.1]** | - Khái niệm về công nghệ?  - Công nghệ được phân chia như thế nào?  - Kết nối nghề nghiệp: Kĩ sư công nghệ là người làm công việc gì? | - PP trực quan, thuyết trình.  - Nhóm  - Vấn đáp | - Sản phẩm học tập  - Câu trả lời |
| **Hoạt động 2.4. Mối liên hệ giữa khoa học, kĩ thuật và công nghệ.** | **[a3.1]**  **[TCTH.1]**  **[GTHT.2]**  **[CC.2]**  **[TN.1]** | - Mối liên hệ giữa khoa học, kĩ thuật và công nghệ. | - PP trực quan  - PP thảo luận nhóm. | - Sản phẩm học tập. |
| **Hoạt động 2.5. Tìm hiểu về công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội (25 phút)** | **[a3.1]**  **[TCTH.1]**  **[GTHT.2]**  **[CC.2]**  **[TN.1]** | Mô tả được công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội. | - PP trực quan  - PP thảo luận nhóm. | - Phiếu học tập |
| **Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng (20 phút)** | **[a3.1]**  **[TCTH.1]**  **[GTHT.2]**  **[CC.2]**  **[TN.1]** | - Thể hiện mối quan hệ giữa tự nhiên, con người và xã hội qua sơ đồ.  - Phân tích tác động tích cực, tiêu cực về mối quan hệ của công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội nơi mình sinh sống. | - PP trực quan  - PP thảo luận nhóm.  - PP vấn đáp | - Sản phẩm học tập |

**B.**  **TIẾN HÀNH TỔ CHỨC DẠY HỌC.**

**Hoạt động khởi động. (5 phút)**

**a. Mục tiêu.**

- Thông qua hình ảnh hoặc video để tạo sự liên kết giữa kiến thức hiện có của HS với những kiến thức mới.

- Tạo tâm thế chuẩn bị vào bài mới cho HS.

**b. Nội dung.**

HS quan sát vá trả lời các câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm.**

Sản phẩm của từng cá nhân và của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện.**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV chia lớp thành 4 nhóm tương ứng với 4 tổ trong lớp học.

- Hướng dẫn các em đọc SGK, quan sát hình ảnh hoặc video trả lời cấu hỏi của GV:

*Em hãy kể tên các sản phẩm công nghệ có trong hình ảnh trên màn hình?*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

* Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của học sinh.
* Kịp thời chỉnh sửa những sai sót học sinh gặp phải.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**

Hướng dẫn HS báo cáo, thảo luận.

* GV hướng dẫn thảo luận từng câu hỏi lần lượt trước lớp.
* GV, xác nhận ý kiến đúng ở từng câu trả lời.

**Bước 4: Kết luận, nhận định.**

* Sản phẩm của từng cá nhân và của từng nhóm
* GV tổng kết, chuẩn hóa kiến thức.
* HS thống nhất đáp án và tiến hành vào nội dung bài mới.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI. (35 phút)**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về khoa học. (10 phút)**

**a. Mục tiêu.**

- HS phát biểu được khái niệm về khoa học.

- Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến khoa học trong thực tế.

**b. Nội dung.**

HS quan sát và video và trả lời các câu hỏi dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm.**

- HS ghi được khái niệm khoa học, các lĩnh vực và thành tựu của khoa học tự nhiên với con người.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  Yêu cầu học sinh quan sát hình 1.2 SGK và nối các phát minh nổi bật ứng với ba nhà khoa học và trả lời các câu hỏi:     * Khoa học là gì? * Thế nào là nhà khoa học? * Em hãy kể một số các phát minh nổi bật mà em biết?   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS tìm hiểu kiến thức thực hiện nhiệm vụ các câu hỏi được giao.  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS thực hiện nói các phát minh tương ứng với ba nhà khoa học.  - HS trả lời câu hỏi và các HS khác có thể bổ sung những hiểu biết về ba nhà khoa học và các phát minh khác của họ.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV đánh giá câu trả lời và chốt lại nội dung kiến thức.  - GV liên hệ kết nối nghề nghiệp liên quan đến khoa học. | **I. KHÁI QUÁT VỀ KHOA HỌC, KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ.**  **1. Khoa học.**   * Khoa học là hệ thống tri thức về mọi quy luật và sự vận động của vật chất, những quy luật của tự nhiên, vận động và tư duy. * Nhà khoa học là những người làm công tác nghiên cứu khoa học với các nghiên cứu khác nhau trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, phục vụ cho mọi mặt đời sống con người. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiều về kĩ thuật (10 phút)**

**a. Mục tiêu.**

- HS phát biểu được khái niệm về kĩ thuật.

- Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến kĩ thuật trong thực tế.

**b. Nội dung.**

HS quan sát và video và trả lời các câu hỏi dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm.**

- HS ghi được khái niệm kĩ thuật, các lĩnh vực và kết quả của kĩ thuật đối với thực tế.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  Các nhóm thảo luận và giải quyết tình huống sau. (Ghi kết quả trả lời vào bảng phụ)    - Vấn đề cần giải quyết trong mỗi tình huống là gì?  - Vấn đề đã được giải quyết như thế nào?  - Cơ sở khoa học nào đã được dùng để giải quyết vấn đề.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS tìm hiểu kiến thức, thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi được giao vào bảng phụ.  - GV theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS, cử đại diện trình bày phần trả lời của nhóm trước lớp trên bảng phụ.  - HS các nhóm nhận xét chéo nhau về tình huống mà GV đã đưa ra.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV đánh giá câu trả lời và chốt lại nội dung kiến thức.  - GV bổ sung thông tin cho HS bằng hình ảnh, video, câu chuyện kể về kết quả của nghiên cứu kĩ thuật.  - GV liên hệ định hướng kết nối nghề nghiệp cho HS. | **I. KHÁI QUÁT VỀ KHOA HỌC, KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ.**  **2. Kĩ thuật.**  - Kĩ thuật là việc áp dụng các nghiên cứu khoa học vào việc thết kế, chế tạo, vận hành các máy móc, thiết bị, công trình, quy trình và hệ thống một cách hiệu quả và kinh tế nhất.  - Kĩ thuật được chia thành các lĩnh vực:   * Kĩ thuật cơ khí. * Kĩ thuật điện * Kĩ thuật điện tử * Kĩ thuật xây dựng * Kĩ thuật hóa học…….   - Kĩ sư là người làm việc trong lĩnh vực kĩ thuật.  - Kỹ sư là những người có kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên, có tư duy thiết kế, có năng lực giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. |

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về công nghệ (10 phút)**

**a. Mục tiêu.**

- HS phát biểu được khái niệm về công nghệ.

- Liên hệ được các ngành nghề liên quan đến công nghệ trong thực tế.

**b. Nội dung.**

HS quan sát và video và trả lời các câu hỏi dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm.**

- HS ghi được khái niệm công nghệ, cách phân chia công nghệ, vai trò của công nghệ với quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

**d. Tổ chức thức hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Các nhóm thảo luận và hoàn thành nội dung sau.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | PP  Ưu  và nhược | Phương pháp địa canh | Phương pháp thủy canh | Phương pháp khí canh | | Ưu điểm |  |  |  | | Nhược điểm |  |  |  |   HS quan sát SGK và trả lời các câu hỏi:   * Theo lĩnh vực khoa học có những lĩnh vực công nghệ nào? * Theo lĩnh vực kĩ thuật có những lĩnh vực công nghệ nào? * Theo em. Kĩ sư công nghệ là người làm những công việc nào?   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  HS thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi được giao.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **PP**  **Ưu**  **và nhược** | **Phương pháp địa canh** | **Phương pháp thủy canh** | **Phương pháp khí canh** | | **Ưu điểm** | - Tận dụng được nguồn vi sinh vật có lợi trong đất.  - Giúp cải tạo đất. | - Công nghệ rau sạch tự động 4.0  - Không tốn nước, công chăm bón, không thải chất thải ra ngoài môi trường | - Thích hợp trồng cây trong không gian nhỏ.  - Cấu tạo đơn giản, nhỏ gọn, không cần làm đất, bón phân.  - Tiết kiệm 90% lượng nước cần dùng.  - Nhân giống nhanh, trồng quanh năm.  - Tạo ra nguồn rau rất an toàn và rất khó nhiễm bệnh. | | **Nhược điểm** | - Tốn nước và công chăm bón.  - Nhiều sp rác thải ra môi trường (túi nilong, chai, lọ…)  - Phụ thuộc và thời tiết và phân bón. | - Phụ thuộc vào nguồn phân bón nhân tạo.  - Khi sử dụng phân bón chất lượng thấp, ảnh hưởng đến SK người dùng.  - Hệ thống nặng nề, sử dụng lượng nước lớn. | - Chi phí lắp đặt, vận hành, sửa chữa rất lớn.  - Cần áp dụng công nghệ hiện đại mới thực hiện được.  - Cần vận hành 24/24 nên khá tốn điện.  - Cần kiểm tra sâu bệnh hằng ngày để sớm điều chỉnh thích hợp. |   - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ được giao.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận.**  - HS, cử đại diện trình bày phần trả lời của nhóm trước lớp trên bảng phụ.  - HS các nhóm nhận xét chéo nhau về tình huống mà GV đã đưa ra.  **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  - GV đánh giá câu trả lời và chốt lại nội dung kiến thức.  - GV bổ sung thông tin cho HS bằng hình ảnh, video, câu chuyện kể về kết quả của nghiên cứu công nghê.  - GV liên hệ định hướng kết nối nghề nghiệp cho HS. | **3. Công nghệ.**  - Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết kĩ thuật có hoặc không kèm theo công cụ phượng tiện dùng biến đổi nguồn lực thành sản phẩm, dịch vụ.  - Công nghệ là kết quả của hoạt động kĩ thuật.  - Phân loại công nghệ:  **Khoa học**: Công nghệ hóa học, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin.  **Kĩ thuật**: Công nghệ cơ khí, công nghệ điện, công nghệ điện tử, công nghệ xây dựng.  **Đối tượng áp dụng:** Công nghệ oto, công nghệ vật liệu, công nghệ nano, công nghệ trồng cây trong nhà kính… |

**Hoạt động 2.4: Tìm hiểu về mối liên hệ giữa khoa học, kĩ thuật và công nghệ.**

**a. Mục tiêu.**

- HS phát biểu được mối liên hệ giữa khoa học, kĩ thuật và công nghệ.

**b. Nội dung.**

HS quan sát và video và trả lời các câu hỏi dưới sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm.**

- HS ghi được mối liên hệ giữa khoa học, kĩ thuật và công nghệ.

**d. Tổ chức thức hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.  HS tiến hành quan sát hộp Khám Phá (SGK) và trả lời câu hỏi.  - Kĩ thuật có vai trò như thế nào đối với công nghệ?  - Công nghệ có vai trò như thế nào đối với kĩ thuật?  - Khoa học có vai trò như thế nào đối với kĩ thuật và công nghệ?  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.  - HS tìm hiểu kiến thức thực hiện nhiệm vụ được giao.  - GV theo dõi, hưỡng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận.  - HS trả lời các cấu hỏi về mối quan hệ giữa khoa học, kĩ thuật và công nghệ.  Bước 4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt lại nội dung kiến thức. | **4. Mối liên hệ giữa khoa học, kĩ thuật và công nghệ.**  **Giải bài 1 Công nghệ và đời sống**  - Khoa học là cơ sở của kĩ thuật, kĩ thuật thúc đẩy phát triển khoa học. Kĩ thuật dựa trên các tri thức do khoa học khám phá ra để giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Kĩ thuật tạo ra công nghệ mới, dựa trên công nghệ hiện có: Một mặt, kĩ thuật giải quyết vấn đề thực tiễn dựa trên tri thức khoa học (cơ sở khoa học của kĩ thuật), kết quả là tạo ra hay cải tiến sản phẩm, công nghệ; mặt khác, công nghệ hiện có lại là cơ sở quan trọng của kĩ thuật để giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Công nghệ thúc đẩy khoa học, khoa học là cơ sở để phát triển công nghệ. |

**Tiết 2**

**Hoạt động 2.5: Tìm hiểu về mối quan hệ của công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội. (25 phút)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  **1. Công nghệ với tự nhiên.**  Quan sát hình ảnh và nêu những ưu điểm khi sử dụng khoa học, công nghệ vào tự nhiên?  ………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… Quan sát hình ảnh và nêu những nhược điểm của khoa học, công nghệ vào tự nhiên?  ………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..  **2. Công nghệ với con người.**   |  |  | | --- | --- | | Tích cực | Hạn chế | |  |  |   **3. Công nghệ với xã hội.**  Công nghệ góp phần như thế nào vào công tác quản lý xã hội?  ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

1. **Mục tiêu**: Phát biểu được mối quan hệ giữa công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội.
2. **Nội dung**: HS quan sát các video, hình ảnh và hoạt động theo sự hướng dẫn của GV.
3. **Sản phẩm**: HS ghi được mối quan hệ giữa công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội.
4. **Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| Các nhóm làm việc, hoàn thành phiếu học tập mà GV đã giao, sau đó báo cáo kết quả của từng nhóm.  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.  Các nhóm tiến hành thảo luận và trả lời các câu hỏi theo từng nội dung trong phiếu học tập GV đã giao.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.  - HS thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ trong phiếu học tập.  - GV theo dõi, hướng dẫn và giúp đỡ HS thực hiện.  Bước 3: Báo cáo, thảo luận.  - Các nhóm cử đại diện báo cáo kết quả trong phiếu học tập  - Các nhóm nhận xét chéo nhau và bổ sung câu trả lời cho nhau.  Bước 4: Kết luận, nhận định.  - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời và nhấn mạnh nội dung kiến thức.  - GV bổ sung thông tin cho HS bằng hình ảnh, video về mối quan hệ giữa khoa học với tự nhiên, con người và xã hội.  - GV liên hệ kết nối nghề nghiệp cho HS. | **II. Công nghệ với tự nhiên, cón người và xã hội.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tác động** | **Tự nhiên** | **Con người** | **Xã hội** | | **Tích cực** | - Khám phá tự nhiên dễ dàng và đạt được nhiều thành tựu cao.  - giải quyết các vấn đề về môi trường, phòng chống thiên tai, biến đối khí hậu. | - Mang lại sự tiện nghi, đáp ứng nhu cầu thay đổi của con người.  - Tăng năng suất, chất lượng lao động. | - Thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển, quản lí tốt xã hội. | | **Tiêu cực** | - Làm cạn tài nguyên, ảnh hưởng tới môi trường, thế giới tự nhiên và con người. | - Sự xuất hiện của những hệ thống thông minh, con người đối mặt với tình trạng thất nghiệp | - Lối sống phụ thuộc vào công nghệ. | |

**Hoạt động 3: Hoạt động luyện tập. (10 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Phân tích tác động tích cực, tiêu cực về mối quan hệ của công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội nơi mình sinh sống.

**b. Nội dung:**

- HS quan sát video, hình ảnh và hoạt động theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm.**

- Tác động tích cực và tiêu cực của công nghệ đối với tự nhiên, con người và xã hội.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  HS hoạt động theo nhóm, dùng hình ảnh, sơ đồ thể hiện quan hệ của công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội. Nêu lên những tác động tích cực, tiêu cực của công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội nơi mình sinh sống.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  - HS thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ theo nhiệm vụ được giao.  - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3**: **Báo cáo thảo luận.**   * HS cử đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. * Các nhóm nhận xét chéo nhau.   **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV nhận xét, đánh giá câu trả lời và nhấn mạnh nội dung kiến thức. | Sản phẩm là sơ đồ, hình vẽ về công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội. Đồng thời thể hiện các tác động tích cực, tiêu cực của công nghệ với tự nhiên, con người và xã hội.  - **Ví dụ về tác động tích cực:** mọi người có thể mua sắm online tiện lợi mà không cần phải mất công đến tận cửa hàng, xe công nghệ giúp người dân dễ dàng di chuyển mà không cần xe riêng, camera lắp đặt tại các khu phố giúp theo dõi an ninh, đảm bảo an toàn trật tự...  - **Ví dụ về tác động tiêu cực**: mạng xã hội đã và đang trở thành công cụ hàng đầu để các thế lực thù địch lợi dụng tiến hành phá hoại tư tưởng; ngày càng có nhiều người phụ thuộc vào điện thoại, quan tâm đến thế giới "ảo" hơn là các mỗi quan hệ thực. |

**Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng. (10 phút)**

**a. Mục tiêu:**

- Liệt kê được một số sản phẩm công nghệ.

- Đánh giá về tác động, sản phẩm công nghệ đó đối với cuộc sống.

**b. Nội dung:**

- HS quan sát video, hình ảnh và hoạt động theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm.**

- Sản phẩm công nghệ sử dụng trong gia đình em. Đánh giá tác dụng của nó đối với em và gia đình em.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  HS hoạt động theo nhóm, liệt kê các một số sản phẩm công nghệ, đánh giá về tác động của sản phẩm đối với cuộc sống và gia đình em.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.  - HS thảo luận nhóm, vẽ sơ đồ theo nhiệm vụ được giao.  - GV theo dõi, hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ.  Bước 3: Báo cáo thảo luận.   * HS cử đại diện nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình. * Các nhóm nhận xét chéo nhau.   **Bước 4: Kết luận, nhận định.**  GV nhận xét, đánh giá câu trả lời và nhấn mạnh nội dung kiến thức của bài học | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Công nghệ  (Sản phẩm công nghệ) | Tác động đến cuộc sống gia đình. | | 1 | Đèn led | Chiếu sáng tốt, tiết kiệm điện năng. | | 2 | Tủ lạnh | Tiện lợi cho gia đình bảo quản đồ ăn, thức uống… | | 3 | Tivi | Tiện dụng, tiện nghi cho gia đình, giúp con người giải trí. | | 4 | Khóa cửa bằng vân tay | Bảo vệ tài sản trong gia đình an toàn hơn, có khả năng chống trộm cao. | | 5 | Hệ thống tự bật/tắt bóng đèn hành lang | Tiết kiệm điện năng, tiện nghi hơn trong sinh hoạt. | | 6 | ………. | ……….. | |

**IV. Rút kinh nghiệm sau giờ dạy.**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….